



wéi rén

为人

Verb, Noun · Be regarded as

Example Sentences

tā wéi rén hěn hǎo

他为人很好。

He is a good person.

tā wéi rén chéng shí dà jiā dōu xǐ huān tā

她为人诚实，大家都喜欢她。

She is an honest person, and everyone likes her.

tā wéi rén chǔ shì hěn yuán huá zǒng néng chǔ lǐ hǎo gè zhǒng guān xì

他为人处世很圆滑，总能处理好各种关系。

He is very tactful in dealing with people and always handles various relationships well.

Trace each character, then write the word on your own.

为 为 为 为 为 为 为

人 人 人 人 人